

Số: 48/QĐ-ĐHCNGTVT

Hà Nội, ngày 06 tháng 01 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công bố công khai dự toán năm 2020**

**HIỆU TRƯỞNG**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1296/QĐ-ĐHCNGTVT ngày 27/4/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải;

Căn cứ Quyết định số 2500/QĐ-BGTVT ngày 30/12/2019, Quyết định số 2502/QĐ-BGTVT ngày 30/12/2019, Quyết định số 2508/QĐ-BGTVT ngày 30/12/2019, Quyết định số 2409/QĐ-BGTVT ngày 24/12/2019, Quyết định số 2518/QĐ-BGTVT ngày 30/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2020;

Xét đề nghị của Phó trưởng phòng, Phụ trách phòng Tài chính – Kế toán,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Công bố công khai số liệu giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2020 của Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải (theo biểu đính kèm).

**Điều 2:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3:** Giám đốc Cơ sở đào tạo, Phó trưởng phòng, phụ trách phòng Tài chính – Kế toán, Kế toán trưởng, Trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Chủ tịch HĐT;
- Các Phó Hiệu trưởng;
- Cổng thông tin điện tử của Trường;
- Lưu: VT, TC-KT.

**HIỆU TRƯỞNG**  
  
**PGS.TS. Đào Văn Đông**



**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020****(Phân hiệu Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải)**

(Kèm theo Quyết định số 48 /QĐ-ĐHCNGTVT ngày 06/01/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ GTVT)

STT	Nội dung	Kinh phí
<b>A</b>	<b>SỐ CHI NGÂN SÁCH</b>	<b>46,845,049,000</b>
<b>1</b>	<b>Chi sự nghiệp đào tạo (070-081)</b>	<b>803,049,000</b>
	<i>Kinh phí không thường xuyên</i>	<i>803,049,000</i>
	Kinh phí thực hiện tình giản biên chế năm 2019	803,049,000
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp kinh tế - chi đảm bảo trật tự ATGT (Loại 280- Khoản 338)</b>	<b>500,000,000</b>
	<i>Kinh phí không thường xuyên</i>	<i>500,000,000</i>
	Tuyên truyền, giáo dục, phổ biến pháp luật về trật tự ATGT cho SV)	500,000,000
<b>3</b>	<b>Kinh phí sự nghiệp giáo dục đại học (Loại 070- Khoản 081)</b>	<b>41,032,000,000</b>
	<i>Kinh phí không thường xuyên</i>	<i>41,032,000,000</i>
	Cải tạo, sửa chữa nhà giảng đường A1 - Cơ sở Hà Nội	7,500,000,000
	Cải tạo, sửa chữa nhà giảng đường A2 - Cơ sở Hà Nội	7,300,000,000
	Cải tạo, sửa chữa nhà giảng đường 300 chỗ - Cơ sở Hà Nội	8,500,000,000
	Cải tạo, sửa chữa nhà giảng đường A5 - Cơ sở Hà Nội	6,000,000,000
	Cải tạo, sửa chữa một số hạng mục thư viện - Cơ sở Hà Nội	1,500,000,000
	Mua sắm Trang thiết bị cho phòng trắc nghiệm tự động	3,884,000,000
	Mua sắm Trang thiết bị phục vụ xây dựng hệ thống đào tạo trực tuyến E-learning	921,000,000
	Mua sắm Trang thiết bị phòng thực hành cơ điện tử chuyên sâu	4,049,000,000
	Kinh phí thực hiện chính sách tình giản biên chế	104,000,000
	Kinh phí chính sách giáo dục người khuyết tật theo TT 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC	26,000,000
	Hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số theo Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg	119,000,000
	Kinh phí thực hiện miễn giảm học phí theo NĐ 86/2015/NĐ-CP	1,129,000,000
<b>4</b>	<b>Chi sự nghiệp Khoa học và Công nghệ (Loại 100- Khoản 101)</b>	<b>3,710,000,000</b>
	<i>Chuyển tiếp từ trước năm 2020</i>	<i>530,000,000</i>
	Nghiên cứu xây dựng bộ chỉ tiêu quy hoạch và thiết kế cây xanh cho các dự án xây dựng công trình giao thông(DT194012)	90,000,000
	Tính toán đặc tính cơ học của vật liệu phục vụ phân tích đánh giá sức chịu tải của công trình cầu BTCT và BTCT DƯL cũ có xét tới sai số phụ thuộc vào số lượng mẫu thí nghiệm (DT 194050)	80,000,000
	Nghiên cứu áp dụng các giải pháp kết cấu và công nghệ tiên tiến trong chế tạo dầm BTCTDƯL giản đơn chiều cao thấp có nhịp lớn đến 50m (DT194051)	80,000,000
	Nghiên cứu thiết kế, chế tạo thiết bị xác định hàm lượng nhựa có trong hỗn hợp bê tông nhựa (DT194064)	90,000,000
	Nghiên cứu thiết kế, chế tạo thử nghiệm thiết bị nghiền cơ động lắp trên máy xúc một gầu đáp ứng sản xuất vật liệu xây dựng phục vụ các công trình phân tán tại Việt Nam(DT194067)	110,000,000
	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ bê tông asphalt ẩm cho hỗn hợp stonematrix asphalt (SMA) để làm lớp mặt cho kết cấu mặt đường chịu tải trọng xe nặng ở Việt Nam (DT194073)	80,000,000
	<i>Mở mới năm 2020</i>	<i>3,180,000,000</i>



STT	Nội dung	Kinh phí
	<b>+ Nhiệm vụ đề tài</b>	<b>2,660,000,000</b>
	Nghiên cứu xây dựng tiêu chí đánh giá chất lượng nguồn nhân lực ngành Logistics Việt Nam trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0	260,000,000
	Nghiên cứu phương pháp tính toán hiệu ứng do các loại tải trọng đoàn tàu trên cầu và đường sắt tốc độ cao bằng mô hình lý thuyết kết hợp phương pháp số và thực nghiệm	400,000,000
	Nghiên cứu sử dụng phương pháp đánh giá mở rộng để đánh giá tác động kinh tế - xã hội của các dự án phát triển cơ sở hạ tầng. Áp dụng để đánh giá tác động cho dự án đường sắt tốc độ cao Bắc Nam	350,000,000
	Nghiên cứu đề xuất lựa chọn phương pháp xác định hệ số khấu trừ năng lực thông qua phù hợp với năng lực khai thác của các tuyến đường sắt ở Việt Nam	260,000,000
	Xây dựng cơ sở dữ liệu lớn và phát triển các mô hình học máy kết hợp với các kỹ thuật tối ưu hóa trong việc dự báo các tham số sức chống cắt của đất phục vụ xây dựng công trình giao thông	260,000,000
	Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo hệ thống cân động để kiểm tra tải trọng xe cơ giới phục vụ công tác nghiên cứu khoa học và đào tạo	400,000,000
	Nghiên cứu sử dụng cốt liệu xi thép trong xây dựng mặt đường cứng dạng Geopolymer ở Việt Nam	450,000,000
	Nghiên cứu thiết kế, chế tạo thử nghiệm thiết bị giảm phát thải cho động cơ diesel bằng công nghệ scrubber	280,000,000
	<b>+ Tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức</b>	<b>520,000,000</b>
	Sơn và véc ni - bảo vệ chống ăn mòn kết cấu thép bằng các hệ sơn phủ:(3 phần)	
	- Phần 1: Giới thiệu chung	
	- Phần 2: Phân loại môi trường	150,000,000
	- Phần 3: Các cân nhắc trong thiết kế	
	Sơn và véc ni - bảo vệ chống ăn mòn kết cấu thép bằng các hệ sơn phủ:	
	- Phần 4: Các dạng bề mặt và chuẩn bị bề mặt	150,000,000
	- Phần 7: Thi công và giám sát thi công sơn	
	Sơn và véc ni - bảo vệ chống ăn mòn kết cấu thép bằng các hệ sơn phủ:	
	- Phần 8: Xây dựng các quy định kỹ thuật cho công tác sơn mới và bảo trì	100,000,000
	Sơn và véc ni - bảo vệ chống ăn mòn kết cấu thép bằng các hệ sơn phủ:	
	- Phần 9: Hệ thống sơn bảo vệ cho các công trình ngoài khơi và các công trình liên quan và phương pháp thử nghiệm các tính năng kỹ thuật trong phòng thí nghiệm	120,000,000
<b>5</b>	<b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường (Loại 250 - Khoản 278)</b>	<b>800,000,000</b>
	<b>Dự án nhiệm vụ chuyên môn</b>	<b>800,000,000</b>
	Xây dựng lộ trình áp dụng mức khí thải tương đương Euro IV cho xe moto, xe gắn máy và Euro VI cho xe ô tô tại Việt Nam	400,000,000
	Khảo sát, đánh giá và xây dựng hướng dẫn kỹ thuật tái chế chất thải nhựa làm dải phân cách di động sử dụng trong giao thông đường bộ.	400,000,000



Đơn vị: TRƯỜNG ĐH CÔNG NGHỆ GTVT

Biểu số 2

Chương: 021

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020**  
(Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải - Cơ sở Vĩnh Phúc)  
(Kèm theo Quyết định số 48 /QĐ-ĐHCNGTVT ngày 06/01/2020 của  
Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ GTVT)

STT	Nội dung	Kinh phí
A	<b>SỐ CHI NGÂN SÁCH</b>	<b>1,360,000,000</b>
1	<b>Kinh phí sự nghiệp giáo dục đại học (Loại 070- Khoản 081)</b>	<b>1,360,000,000</b>
	<i>Kinh phí không thường xuyên</i>	<i>1,360,000,000</i>
	Cải tạo, sửa chữa một số hạng mục nhà giảng đường lớn B3 - Cơ sở đào tạo Vĩnh Yên	1,200,000,000
	Kinh phí thực hiện miễn giảm học phí theo ND 86/2015/ND-CP	160,000,000

Đơn vị: TRƯỜNG ĐH CÔNG NGHỆ GTVT

Biểu số 3

Chương: 021

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020**

**(Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải - Cơ sở Thái Nguyên)**

(Kèm theo Quyết định số 48 /QĐ-ĐHCNGTVT ngày 06/01/2020 của Hiệu trưởng  
Trường Đại học Công nghệ GTVT)

STT	Nội dung	Kinh phí
A	<b>SỐ CHI NGÂN SÁCH</b>	<b>359,000,000</b>
1	<b>Kinh phí sự nghiệp giáo dục đại học (Loại 070- Khoản 081)</b>	<b>359,000,000</b>
	<i>Kinh phí không thường xuyên</i>	<i>359,000,000</i>
	Hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số theo QĐ số 66/2013/QĐ-TTg	75,000,000
	Kinh phí thực hiện miễn giảm học phí theo NĐ 86/2015/NĐ-CP	284,000,000

